ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Nghị quyết số: 95/2025/UBTVQH15	

NGHỊ QUYẾT

Quy định Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 657/TTr-UBPLTP15 ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Báo cáo số 828/BC-UBPLTP15 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Báo cáo ý kiến số 828/BC-UBKTTC15 ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội quy định tại mục I và mục II.1 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị quyết số 197/2025/QH15), bao gồm:

a) Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành;

b) Luật mới; luật thay thế luật hiện hành;

c) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách);

d) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp;

đ) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành;

e) Nghị quyết thí điểm của Quốc hội;

g) Nghị quyết của Quốc hội;

h) Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành;

i) Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành;

k) Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành;

l) Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

m) Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

n) Điều ước quốc tế, việc gia nhập tổ chức quốc tế phải được phê chuẩn theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

2. Nghị quyết này không điều chỉnh đối với:

a) Việc thẩm tra, thông qua nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không phải là văn bản quy phạm pháp luật; việc thẩm tra các tờ trình, đề án, báo cáo và các văn bản khác để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các nhiệm vụ, hoạt động khác phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

Việc thực hiện chi cho các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động, nhiệm vụ này được bố trí từ nguồn kinh phí hoạt động của Quốc hội;

b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức chi cho công tác xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, Chương trình lập pháp hằng năm; chi cho công tác giám sát văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ giám sát thi hành pháp luật; chi cho các nhiệm vụ, hoạt động khác được áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm tuân thủ nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 197/2025/QH15.

2. Việc thực hiện chi phục vụ nhiệm vụ, hoạt động đối với nội dung thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban

Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định của Nghị quyết này, Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch. Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được quyền chủ động quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 197/2025/QH15.

Căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ chi quy định tại Nghị quyết này và nhiệm vụ được giao, Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm phân bổ, giao kịp thời, bảo đảm đủ kinh phí cho Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại các Phụ lục 1, 2 và 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Các khoản chi tổ chức các phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, khảo sát, chi bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và điều kiện cần thiết khác do Văn phòng Quốc hội thực hiện theo quy định khác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định khác của pháp luật có liên quan và được bố trí từ nguồn kinh phí hoạt động của Quốc hội.

Các khoản chi cho hoạt động của cơ quan, tổ chức trình dự án, dự thảo trong quá trình thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Việc thanh toán các khoản chi được thực hiện khoán chi theo kết quả của từng nhiệm vụ, hoạt động nhưng không vượt quá tổng mức chi thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ lập pháp thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định vẫn được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng với nội dung chi, định mức chi quy định tại các Phụ lục 1, 2 và 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Hằng năm, căn cứ vào Chương trình lập pháp, phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục phân bổ kinh phí thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế quy định tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này, các cơ quan xây dựng dự toán gửi Văn phòng Quốc hội để tổng hợp. Việc lập, phân bổ dự toán và thanh toán theo phương thức khoán chi được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 197/2025/QH15.

Trường hợp dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết được bổ sung vào Chương trình lập pháp, chương trình kỳ họp Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chỉ đạo việc lập bổ sung dự toán và phân bổ cho các cơ quan để thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định nội dung chi; chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng và bảo đảm việc phân bổ kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ, hoạt động và đáp ứng yêu cầu thực tế trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động;

b) Tuân thủ quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; chịu trách nhiệm đánh giá và quyết định về sản phẩm hoàn thành theo phạm vi nhiệm vụ, hoạt động được giao;

c) Trong trường hợp cần thiết, xem xét, quyết định việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ chi trong cơ quan phù hợp với Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Quyết định việc sử dụng khoản kinh phí còn dư sau khi đã chi cho các nhiệm vụ, hoạt động theo định mức quy định tại phụ lục kèm theo quy định của Nghị quyết để chi cho các nhiệm vụ, hoạt động thẩm tra, thông qua dự án khác mà định mức phân bổ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhiệm vụ, hoạt động của cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội.

3. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhiệm vụ, hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội (đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách) và công chức, người lao động phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.

2. Việc chi cho công tác thẩm tra, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, chi lấy ý kiến tham gia dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, chi hỗ trợ đại biểu Quốc hội tự nghiên cứu để tham gia ý kiến vào các dự án luật, chi hỗ trợ kinh phí xây dựng luật đối với cán bộ, công chức và người lao động của Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (trực tiếp giúp việc Đoàn đại biểu Quốc hội) và các định mức chi khác phục vụ công tác thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội được thực hiện theo các quy định của Nghị quyết này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Trường hợp Chính phủ điều chỉnh, bổ sung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, giao Văn phòng Quốc hội rà soát Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết này, báo cáo xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi quyết định điều chỉnh.

4. Văn phòng Quốc hội hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp nhiệm vụ, hoạt động thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thẩm tra, phê chuẩn, quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội, được giao trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo chương trình, kế hoạch đã được quyết định, phê duyệt mà có nhiệm vụ, hoạt động thực hiện sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì được bổ sung dự toán và được chi trả theo định mức, thực hiện việc khoán chi đối với nhiệm vụ, hoạt động đó theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Phiên họp thứ 48 thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn

Phụ lục 1

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI; THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95 /UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
I	**Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra**	**1.058**	**852**	**537**	**538**	**351**	**452**	**303**	**196**	**124**
1	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	262	157	122	117	78	112	57	37	35
2	Xây dựng kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án trước khi trình Quốc hội	5	5	5	5	5	5	5	3	2
3	Báo cáo chủ trương lấy ý kiến Nhân dân	20	20	20	20	-	-	-	-	-
4	Xây dựng báo cáo phục vụ hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (gồm: soạn thảo, tổng hợp ý kiến)	73	70	45	42	38	40	38	-	-
5	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền	5	3	2	2	2	2	2	2	-
6	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	234	180	145	165	101	135	77	60	58

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
7	Tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội:									
	- Thảo luận ở Tổ	20	20	10	10	10	10	8	5	5
	- Thảo luận tại Hội trường	10	10	5	5	5	5	5	3	3
8	Xây dựng Báo cáo về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội/báo cáo tiếp thu, chỉnh lý đối với điều ước quốc tế (gồm: soạn thảo, xin ý kiến)	103	99	74	70	37	41	37	33	12
9	Xây dựng kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản	5	5	5	5	5	5	5	3	2
10	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản theo ý kiến đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội/ nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý đối với điều ước quốc tế	200	180	45	40	30	55	30	25	7
11	Lấy ý kiến đại biểu Quốc hội	31	28	22	20	15	17	14	-	-
12	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản trước khi thông qua	40	30	15	15	10	10	10	10	-

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
13	Rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua	50	45	22	22	15	15	15	15	-
II	**Đối với cơ quan tham gia thẩm tra (07 cơ quan)**	**1.302**	**1.127**	**609**	**567**	**455**	**553**	**462**	**210**	**112**
1	Xây dựng văn bản tham gia thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	550	462	287	266	231	252	231	210	112
2	Xây dựng văn bản tham gia thẩm tra trình Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	542	455	280	266	224	245	231	-	-
3	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo theo ý kiến đại biểu Quốc hội	210	210	42	35	-	56	-	-	-
III	**Đối với cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật**	**78**	**66**	**20**	**18**	**14**	**21**	**14**	**12**	**-**
1	Phối hợp bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật	73	63	18	16	12	19	12	10	-

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)								
		Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế
2	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	5	3	2	2	2	2	2	2	-
IV	**Đối với cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu**	**140**	**122**	**70**	**70**	**35**	**52**	**35**	**31**	**21**
V	**Đối với Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội, gồm cả nhiệm vụ công bố nghị quyết và nội dung khác**	**772**	**733**	**422**	**349**	**175**	**184**	**182**	**151**	**75**
VI	**Đối với Đoàn đại biểu Quốc hội (đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách); bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân**	**850**	**850**	**442**	**408**	**170**	**238**	**204**	**-**	**68**
Tổng cộng		**4.200**	**3.750**	**2.100**	**1.950**	**1.200**	**1.500**	**1.200**	**600**	**400**

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)		
		Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
I	**Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra**	**288**	**152**	**149**
1	Xây dựng Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến, tổng hợp ý kiến, thuê chuyên gia)	170	90	90
2	Xây dựng kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	5	5	5
3	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	30	10	7
4	Báo cáo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm tra về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo	41	37	37
5	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền	2	-	-
6	Phối hợp rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản trước khi thông qua	20	5	5
7	Rà soát, hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản sau khi thông qua	20	5	5

STT	Nội dung nhiệm vụ, hoạt động	Định mức (triệu đồng)		
		Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
II	**Đối với cơ quan tham gia thẩm tra (07 cơ quan)**	**378**	**231**	**231**
1	Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (gồm: soạn thảo, xin ý kiến)	336	231	231
2	Phối hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo theo ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội	42	-	-
III	**Đối với cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật**	**11**	**3**	**-**
1	Phối hợp bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật	9	3	-
2	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	2	-	-
IV	**Đối với cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu**	**105**	**52**	**52**
V	**Đối với Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội, gồm cả nhiệm vụ công bố nghị quyết và nội dung khác**	**418**	**162**	**168**
Tổng cộng		**1.200**	**600**	**600**

Phụ lục 3

MỨC CHI TỐI ĐA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, CÔNG VIỆC GẮN VỚI CÁC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT; THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
1	Soạn thảo Báo cáo thẩm tra	Báo cáo	35,0	30,0	30,0	25,0	15,0	20,0	15,0	10	8	20	15	15
2	Soạn thảo Báo cáo tham gia thẩm tra:													
	- Của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội (trừ Ủy ban Pháp luật và Tư pháp) (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
	- Của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, trong đó có nội dung về việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật (70% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	24,5	21,0	21,0	17,5	10,5	14,0	10,5	7,0	5,6	14,0	10,5	10,5
3	Soạn thảo Báo cáo một số vấn đề lớn về dự án trình Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5
4	Soạn thảo Báo cáo ý kiến về nội dung cơ quan trình dự kiến tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo văn bản (80% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	28,0	24,0	24,0	20,0	12,0	16,0	12,0	8,0	6,4	16,0	12,0	12,0

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
5	Soạn thảo Báo cáo những vấn đề quan trọng, vấn đề lớn của dự án còn có ý kiến khác nhau trình Quốc hội biểu quyết (50% báo cáo thẩm tra)	Báo cáo	17,5	15,0	15,0	12,5	7,5	10,0	7,5	5,0	4,0	10,0	7,5	7,5
6	Xin ý kiến dự thảo báo cáo	Người	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
7	Thuê chuyên gia	Người	10,0	10,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	-	-	10,0	-	-
8	Nội dung báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền về dự thảo văn bản của cơ quan chủ trì thẩm tra	Văn bản	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-	2,0	-	-
9	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Quốc hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Văn bản	5,0	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	-	2,0	-	-
10	Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Người	4,0	3,5	2,0	2,0	1,0	1,5	1,0	0,9	0,6	3,0	1,5	1,5

STT	Sản phẩm, công việc	ĐVT	Mức chi tối đa (triệu đồng)											
			Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành	Điều ước quốc tế	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
11	Hoạt động của Văn phòng Quốc hội, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Người	1,5	1,5	0,8	0,7	0,4	0,4	0,4	0,3	0,2	1,0	0,4	0,4
12	Hoạt động của đại biểu Quốc hội không chuyên trách	Người	1,5	1,5	0,8	0,7	0,3	0,4	0,3	-	0,2	-	-	-
13	Hoạt động của bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	Người	1,0	1,0	0,5	0,5	0,2	0,3	0,3	-	-	-	-	-

Phụ lục 4

DANH MỤC PHÂN BỔ KINH PHÍ THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI; THẨM TRA, PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:							
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan tham gia thẩm tra		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội (đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách); bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	
				01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)				01 Cơ quan	Tổng (34 cơ quan)
1	Bộ luật mới; bộ luật thay thế bộ luật hiện hành:	**4.200**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	25,19	4,43	31,00	1,86	3,33	18,38	0,60	20,24
	- Định mức phân bổ	4.200	***1.058***	***186***	***1.302***	***78***	***140***	***772***	***25***	***850***
2	Luật mới; luật thay thế luật hiện hành:	**3.750**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	22,72	4,29	30,05	1,76	3,25	19,55	0,67	22,67
	- Định mức phân bổ	3.750	***852***	***161***	***1.127***	***66***	***122***	***733***	***25***	***850***
3	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách):	**2.100**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	25,57	4,14	29,00	0,95	3,33	20,10	0,62	21,05
	- Định mức phân bổ	2.100	***537***	***87***	***609***	***20***	***70***	***422***	***13***	***442***

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:							
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan tham gia thẩm tra		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội (đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách); bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	
				01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)				01 Cơ quan	Tổng (34 cơ quan)
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp:	**1.950**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	27,59	4,15	29,08	0,92	3,59	17,90	0,62	20,92
	- Định mức phân bổ	1.950	***538***	***81***	***567***	***18***	***70***	***349***	***12***	***408***
5	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật (không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách), luật hiện hành:	**1.200**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	29,25	5,42	37,92	1,17	2,92	14,58	0,42	14,17
	- Định mức phân bổ	1.200	***351***	***65***	***455***	***14***	***35***	***175***	***5***	***170***
6	Nghị quyết thí điểm của Quốc hội:	**1.500**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	30,13	5,27	36,87	1,40	3,47	12,27	0,47	15,87
	- Định mức phân bổ	1.500	***452***	***79***	***553***	***21***	***52***	***184***	***7***	***238***
7	Nghị quyết của Quốc hội:	**1.200**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	25,25	5,50	38,50	1,17	2,92	15,17	0,50	17,00
	- Định mức phân bổ	1.200	***303***	***66***	***462***	***14***	***35***	***182***	***6***	***204***

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:							
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan tham gia thẩm tra		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội	Đoàn đại biểu Quốc hội (đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách); bộ phận phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	
				01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)				01 Cơ quan	Tổng (34 cơ quan)
8	Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết hiện hành:	**600**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	32,7	5,0	35,0	2,0	5,2	25,2	-	-
	- Định mức phân bổ	600	***196***	***30***	***210***	***12***	***31***	***151***	-	-
9	Điều ước quốc tế:	**400**								
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	31,00	4,00	28,00	-	5,25	18,75	0,50	17,00
	- Định mức phân bổ	400	***124***	***16***	***112***	-	***21***	***75***	***2***	***68***

Phụ lục 5

DANH MỤC PHÂN BỔ KINH PHÍ THẨM TRA, THÔNG QUA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 95/UBTVQH15 ngày 13/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Trong đó:					
			Cơ quan chủ trì thẩm tra	Cơ quan tham gia thẩm tra		Cơ quan tham gia về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật	Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu	Văn phòng Quốc hội và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Quốc hội
				01 Cơ quan	Tổng (07 cơ quan)			
1	Pháp lệnh mới; pháp lệnh thay thế pháp lệnh hiện hành:	**1.200**						
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	24,00	4,50	31,50	0,92	8,75	34,83
	- Định mức phân bổ	1.200	***288***	***54***	***378***	***11***	***105***	***418***
2	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh hiện hành:	**600**						
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	25,33	5,50	38,50	0,50	8,67	27,00
	- Định mức phân bổ	600	***152***	***33***	***231***	***3***	***52***	***162***
3	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:	**600**						
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	24,83	5,50	38,50	-	8,67	28,00
	- Định mức phân bổ	600	***149***	***33***	***231***	-	***52***	***168***
4	Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	**600**						
	- Tỷ lệ phần trăm (%)	100	24,83	5,50	38,50	-	8,67	28,00
	- Định mức phân bổ	600	***149***	***33***	***231***	-	***52***	***168***